

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ - PT.
Ngày 31 tháng 12 năm 2021.
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Kim Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021; Về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/HNGĐ -ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H; bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên Tòa phúc thẩm số: 38/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 12 xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, Sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tập thể nhà ăn đường sắt Yên Viên, huyện G, TP Hà Nội.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S - Bị đơn.

(Các đương sự chị T và anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, ngày 19/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào ngày 17/10/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y Sơn, huyện H(nay là xã T, huyện H). Sau kết hôn anh S làm tự do ở

Hà Nội, còn tôi ở tại địa P và làm công việc buôn bán. Trong thời gian chung sống vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án huyện Hgiải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017, hiện cháu đang ở với tôi. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với anh S tôi có một con riêng là cháu Chu Duy P, S ngày 03/7/2005. Sau ly hôn, tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ đối với cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S trình bày: Về thủ tục kết hôn như chị T trình bày là đúng. Tôi công nhận trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên dẫn đến hai bên luôn bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017, hiện cháu đang ở với chị T. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với tôi, chị T có một con riêng là cháu Chu Duy P, S ngày 03/7/2005. Sau ly hôn, chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, tôi không phải có nghĩa vụ đối với cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:59/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị T và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Xử giao chị Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017 kể từ tháng 10/2021 đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Chị T, anh S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh S thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3. Về con riêng: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Duy P, S ngày 03/7/2005 kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu thành niên. Anh S không phải có nghĩa vụ đối với cháu P.

4. Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 15/10/2021 anh Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo với nội dung anh xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt trong đó thể hiện quan điểm giữ nguyên nội dung đã kháng cáo xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bác kháng cáo của anh Nguyễn Văn S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn S nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn S xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017; Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Chu Thị T và anh Nguyễn Văn S đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung; cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017, ngoài con chung ra chị T có 01 con riêng Chu Duy P, S ngày 03/7/2005. Hiện cháu B đang ở với chị T. Ly hôn, chị T, anh S đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá các điều kiện như việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của người con, để người con có một môi trường sống lành mạnh và phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần và đã giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Xong anh S kháng cáo xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017 và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nhưng anh sẽ để cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu B được 66 tháng tuổi thì anh sẽ đón cháu. Vì hiện nay cháu còn nhỏ.

Tuy nhiên xét điều kiện thực tế thì thấy anh S đang sống cùng với mẹ đẻ đã trên 80 tuổi tại khu tập thể Nhà ăn đường sắt Yên Viên – G – Hà Nội và đang làm tại Bưu điện Trung tâm 5 có địa chỉ tại 76 N- L- Hà Nội với mức lương theo hợp đồng từ 05 triệu đến 08 triệu đồng một tháng. Nguyên vọng của anh S muốn xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì anh có điều kiện hơn chị T, chị T không có thu nhập ổn định hàng tháng, lại phải nuôi dưỡng cả con riêng. Xét về điều kiện của chị T kể từ khi kết hôn với anh S và từ khi cháu B được S ra, cháu đã có cuộc sống ổn định với chị T và ông bà ngoại tại xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Cháu được chị T và ông bà ngoại nuôi dưỡng phát triển bình thường, cuộc sống của chị T không đến mức quá khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho cả hai cháu. Theo đơn trình bày ngày 24/12/2021 của chị T thì thấy chị T đã có nhà riêng làm trên đất của bố mẹ đẻ và hiện nay đang ở nhờ trên ngôi nhà 03 tầng của chị gái tại khu 11, xã T, huyện H để tiện cho việc kinh doanh buôn bán thu nhập hàng tháng ổn định được địa P xác nhận. Hơn nữa trường mẫu giáo và trường tiểu học cũng gần với nơi ở của chị T. Mặt khác, hiện cháu B còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ và cũng tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 thể hiện nguyện vọng của chị T khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con anh S cũng đồng ý ký vào đơn và tại phiên tòa phúc thẩm anh S vắng mặt nhưng có quan điểm thể hiện anh xin được trực tiếp nuôi cháu B. Nhưng anh sẽ để cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu B được 66 tháng tuổi thì anh sẽ đón cháu. Vì hiện nay cháu còn nhỏ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu B sau khi anh S, chị T ly hôn, tránh sự xáo trộn không cần thiết, cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chu Gia B, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của anh S không được chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 59/2021/HNGĐ

- ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ về giao nuôi con chung.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh S không được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên Tòa phúc thẩm đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ về giao nuôi con chung.

Áp dụng điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27; khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị T và anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Chu Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chu Gia B, S ngày 13/9/2017, kể từ tháng 10/2021 đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Chị T, anh S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh S thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

Về con riêng: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Duy P, S ngày 03/7/2005, kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu thành niên. Anh S không phải có nghĩa vụ đối với cháu P.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T, anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Chu Thị T xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0002665

ngày 19/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Hoàn trả cho chị Chu Thị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Xác nhận anh S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004733 ngày 20/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hà Giang